Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
Digitally signed by Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
DN: CN=Tập Đoàn Dệt May Việt Nam, O=MST: 0100100008, L=5/31/2019 10:37:37 AM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-08-29 17:20:20

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định thành lập số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
	Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
	Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
	Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
	Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Cơ quan Tổng Giám đốc	Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc *(từ ngày 1/1/2019)*
	Ông Lê Mạc Thuấn	Phó Tổng Giám đốc *(từ ngày 1/1/2019)*
	Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
	Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành
	Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
	Ông Nguyễn Đức Trị	Giám đốc Điều hành *(từ ngày 1/1/2019)*
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên
	Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên
	Bà Lê Thị Ánh Ngọc	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên

Trụ sở đăng ký 25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2019

KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 3(a) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại các Thuyết minh 3(a) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

- Thuyết minh 9(b) và Thuyết minh 24 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, giá trị sổ sách của khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp là 360.510 triệu VND (1/1/2019: 360.510 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

  Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

  Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

- Thuyết minh 44 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc các thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được điều chỉnh lại.

- Thuyết minh 44 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó đề cập đến việc các thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được điều chỉnh lại.

Kết luận soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 19-02-00183-1*2-19-1

Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề5
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**2.475.390.728.760**	**2.726.102.439.908**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**8**	**207.781.594.766**	**1.102.288.489.466**
Tiền	111		38.203.594.766	54.230.489.466
Các khoản tương đương tiền	112		169.578.000.000	1.048.058.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**960.980.000.000**	**178.000.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	960.980.000.000	178.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.005.324.553.035**	**1.170.775.448.050**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	126.096.248.261	120.195.281.369
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	102.448.550.894	66.450.775.601
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(a)	175.699.493.998	150.169.536.154
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	610.506.160.939	843.385.755.983
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(9.425.901.057)	(9.425.901.057)
Hàng tồn kho	**140**	**15**	**274.934.028.803**	**247.773.884.298**
Hàng tồn kho	141		278.203.754.257	263.491.217.382
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.269.725.454)	(15.717.333.084)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**26.370.552.156**	**27.264.618.094**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.845.377.725	4.264.335.637
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.251.191.073	22.722.603.863
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	273.983.358	277.678.594

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**6.209.695.530.117**	**6.273.942.783.952**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.743.076.284.104**	**1.769.686.194.176**
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	1.441.447.624.496	1.462.404.521.219
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	301.628.659.608	307.281.672.957
Tài sản cố định	**220**		**1.263.694.853.903**	**1.190.145.663.866**
Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.199.696.634.604	1.125.874.312.586
Nguyên giá	222		*1.800.136.267.551*	*1.670.456.482.281*
Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(600.439.632.947)*	*(544.582.169.695)*
Tài sản cố định vô hình	227	17	63.998.219.299	64.271.351.280
Nguyên giá	228		*81.753.643.511*	*81.084.691.210*
Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(17.755.424.212)*	*(16.813.339.930)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**39.469.887.591**	**148.981.263.100**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	39.469.887.591	148.981.263.100
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**9(b)**	**3.115.358.144.969**	**3.113.204.183.515**
Đầu tư vào công ty con	251		2.183.269.954.714	2.203.600.033.899
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.086.938.145.827	1.045.808.066.642
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		51.426.323.409	51.426.323.409
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(206.276.278.981)	(187.630.240.435)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**48.096.359.550**	**51.925.479.295**
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	48.096.359.550	51.925.479.295
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**8.685.086.258.877**	**9.000.045.223.860**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**3.026.714.678.624**	**3.043.987.446.258**
Nợ ngắn hạn	**310**		**843.300.577.630**	**813.004.639.223**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	22.363.374.804	49.595.948.221
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	37.241.639.439	2.410.995.150
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	942.477.062	1.089.591.843
Phải trả người lao động	314		12.555.612.432	21.962.119.186
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23(a)	10.513.992.711	15.775.649.437
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		462.300.000	426.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	408.219.709.647	456.341.502.846
Vay ngắn hạn	320	25(a)	323.069.285.582	241.587.457.698
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	27.932.185.953	23.815.374.842
Nợ dài hạn	**330**		**2.183.414.100.994**	**2.230.982.807.035**
Chi phí phải trả dài hạn	333	23(b)	24.665.472.000	24.665.472.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		887.500.000	1.199.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		340.232.105	224.230.230
Vay dài hạn	338	25(b)	2.157.520.896.889	2.204.893.604.805
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**		**5.658.371.580.253**	**5.956.057.777.602**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**27**	**5.629.011.368.761**	**5.925.676.752.600**
Vốn cổ phần	411	28	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.000.000.000.000*	*5.000.000.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.006.872.774	352.672.256.613
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*42.672.256.613*	*7.294.908.483*
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	*421b*		*13.334.616.161*	*345.377.348.130*
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	30	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		**29.360.211.492**	**30.381.025.002**
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	31	29.360.211.492	30.381.025.002
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**8.685.086.258.877**	**9.000.045.223.860**

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập:		Người duyệt:
Trần Thị Thu Hằng	Nguyễn Ngọc Cách	Lê Tiến Trường
Phó Ban Tài chính Kế toán	*Trưởng Ban Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**33**	**388.172.577.625**	**529.909.629.011**
Giá vốn hàng bán	**11**	**34**	**352.402.705.570**	**476.468.874.040**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	**20**		**35.769.872.055**	**53.440.754.971**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	117.922.007.581	100.894.481.476
Chi phí tài chính	22	36	70.567.436.643	72.508.743.141
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*46.142.923.125*	*35.055.050.993*
Chi phí bán hàng	25	37	18.566.468.502	12.690.896.148
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	50.929.587.959	56.539.125.774
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**13.628.386.532**	**12.596.471.384**
Thu nhập khác	31		302.298.202	97.871.862
Chi phí khác	32		596.068.573	25.239.664
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(293.770.371)**	**72.632.198**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**13.334.616.161**	**12.669.103.582**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**40**	**-**	**-**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	**60**		**13.334.616.161**	**12.669.103.582**

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập:		Người duyệt:
Trần Thị Thu Hằng	Nguyễn Ngọc Cách	Lê Tiến Trường
Phó Ban Tài chính Kế toán	*Trưởng Ban Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

M.S.D.N: 0100100008 - C.T.C.P TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**13.334.616.161**	**12.669.103.582**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		57.178.886.844	50.199.028.083
Các khoản dự phòng	03		6.198.430.916	25.502.953.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.744.907.519	10.182.830.268
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(116.604.637.320)	(85.741.684.504)
Chi phí lãi vay	06		46.142.923.125	35.055.050.993
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**9.995.127.245**	**47.867.281.774**
Biến động các khoản phải thu	09		(48.906.829.145)	35.988.103.892
Biến động hàng tồn kho	10		(14.712.536.875)	(77.123.879.996)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		17.391.380.986	12.681.457.485
Biến động chi phí trả trước	12		(362.464.481)	6.064.603.803
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	45.894.458.000
			(36.595.322.270)	71.372.024.958
Tiền lãi vay đã trả	14		(48.701.690.727)	(30.999.685.950)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.243.522.222)	(10.439.016.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(90.540.535.219)**	**29.933.322.233**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(50.063.372.046)	(71.759.623.302)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		280.365.400	-
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(847.980.000.000)	(46.799.700.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		66.470.042.156	88.330.522.067
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(20.800.000.000)	(13.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		373.687.813.354	270.929.985.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(478.405.151.136)**	**227.701.184.416**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		316.802.420.689	350.063.589.034
Tiền trả nợ gốc vay	34		(293.000.036.803)	(275.876.810.630)
Tiền trả cổ tức	35		(349.923.502.500)	(6.544.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(326.121.118.614)**	**74.180.234.404**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(895.066.804.969)**	**331.814.741.053**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**1.102.288.489.466**	**995.440.985.300**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	**61**		**559.910.269**	**1.253.453.941**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**8**	**207.781.594.766**	**1.328.509.180.294**

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập:		Người duyệt:
Trần Thị Thu Hằng	Nguyễn Ngọc Cách	Lê Tiến Trường
Phó Ban Tài chính Kế toán	*Trưởng Ban Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:
   - Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
   - Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
   - Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
   - Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cẩu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
- Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ("GCNĐKHĐCN") số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-045 ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 40 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 33 công ty liên kết (1/1/2019: 46 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 31 công ty liên kết), được trình bày tại Thuyết minh 9.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 699 nhân viên (1/1/2019: 770 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ như được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn ở Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh năm 2016 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ cùng giảm 7.573 triệu VND (1/1/2019: 9.088 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 lần lượt sẽ giảm và tăng cùng một khoản là 1.515 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ giảm và tăng cùng một khoản là 1.515 triệu VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59") và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
    - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
    - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
    - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là 15 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(v) Chi phí khác

Chi phí khác chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn thủ tục cải cách doanh nghiệp và các chi phí đào tạo. Các khoản chi phí này được phân bổ trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu là thu nhập từ cổ tức được chia từ các đơn vị nhận đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Do việc chia cổ tức thường được các đơn vị nhận đầu tư công bố và xác nhận vào thời điểm cuối năm tài chính, thu nhập từ cổ tức và theo đó lợi nhuận trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường thấp hơn trong nửa đầu năm so với nửa cuối năm.

Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, thu nhập từ cổ tức của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là 409.267 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 271.968 triệu VND) và lợi nhuận trước thuế trước hợp nhất đạt 345.978 triệu VND (kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 264.171 triệu VND).

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoài các vấn đề được trình bày trong các Thuyết minh 9(b) và 24(ii), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường nào khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, hai công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thoái một phần vốn ở 2 công ty con cấp 2 là Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định và Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam. Hai công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	1.926.575.460	1.779.385.509
Tiền gửi ngân hàng	36.127.680.056	52.316.780.257
Tiền đang chuyển	149.339.250	134.323.700
Các khoản tương đương tiền	169.578.000.000	1.048.058.000.000
	207.781.594.766	1.102.288.489.466

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 7.562 triệu VND (1/1/2019: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 24(i)).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm 147.500 triệu VND (1/1/2019: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(a) và 25(b)).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	960.980.000.000	972.717.603.929	178.000.000.000	186.432.175.637

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5,5% đến 7% (1/1/2019: từ 5,3% đến 6,7%) một năm.

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở một ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2019.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2019					1/1/2019				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ **Công ty con**										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	529.510.310.129	-	(*)	50,10%	50,10%	529.510.310.129	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	156.584.867.884	-	(*)	100,00%	100,00%	156.584.867.884	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(23.107.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(23.107.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.815.363.458	-	(*)	100,00%	100,00%	115.815.363.458	-	(*)
• Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.259.101.159	(28.259.101.159)	(*)	67,15%	67,15%	28.259.101.159	(28.259.101.159)	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(18.486.071.684)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(8.337.368.739)	(*)
• Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex (**)	-	-	-	-	(*)	51,06%	51,06%	41.130.079.185	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	521.697.862.979	(63.966.101.739)	(*)	100,00%	100,00%	521.697.862.979	(59.279.579.157)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(56.601.553.130)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(68.646.691.380)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng (***)	55,52%	55,52%	33.800.000.000	(4.704.488.518)	(*)	52,00%	52,00%	13.000.000.000	-	(*)
			2.183.269.954.714	(195.124.816.230)				2.203.600.033.899	(187.630.240.435)	

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2019					1/1/2019				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Đức Giang	35,21%	35,21%	48.705.288.796	-	(*)	35,21%	35,21%	48.705.288.796	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	33,82%	33,82%	96.422.578.752	-	(*)	33,82%	33,82%	96.422.578.752	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	282.635.440.119	-	(*)	30,40%	30,40%	282.635.440.119	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			318.067.975.370	(103.866.759)	(*)			276.937.896.185	-	(*)
			1.086.938.145.827	(103.866.759)				1.045.808.066.642	-	
▪ Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	(11.047.595.992)	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			25.536.838.074	-	(*)			25.536.838.074	-	(*)
			51.426.323.409	(11.047.595.992)				51.426.323.409	-	
			3.321.634.423.950	(206.276.278.981)				3.300.834.423.950	(187.630.240.435)	

Trong năm 2016, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 24(ii), tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam để tính toán và xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần có thể sẽ được điều chỉnh theo kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Trong kỳ, các cổ đông thiểu số của công ty này đã mua thêm cổ phần, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại công ty này. Công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn.

(***) Trong kỳ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng theo hình thức góp vốn bằng tiền trị giá 20.800 triệu VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 15 công ty con cấp 1 và 20 công ty liên kết (1/1/2019: có 16 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết). Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác đều được thành lập tại Việt Nam.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	38.368.331.785	35.618.331.785
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	24.538.230.016	17.045.341.835
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	7.738.893.070	7.324.385.130
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	3.473.684.208	2.621.763.156
▪ Các công ty con khác	2.891.778.377	1.384.229.000
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	125.062.949	115.162.949
▪ Các công ty liên kết khác	210.551.440	171.102.254
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	10.508.054.624	9.693.002.065
▪ Teddy S.P.A	9.020.900.415	-
▪ Ilshin Spinning Co., Ltd.	7.415.639.250	-
▪ Tianjin Textile Group Import and Export Inc	5.597.282.622	-
▪ Xiamen Zhanglong Import & Export Co., Ltd.	4.206.773.229	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	3.118.301.068	-
▪ Fujian Fynex Textile Science & Technology Co., Ltd.	2.601.144.908	-
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	-	10.334.833.202
▪ Các khách hàng khác	6.281.620.300	35.887.129.993
	126.096.248.261	120.195.281.369

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Trả trước cho người bán là các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	19.462.747.660	19.462.747.660
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	12.746.104.727	12.746.104.727
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	6.166.380.927	-
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	10.131.116.217	-
▪ Các công ty liên kết khác	9.712.544	14.949.746
Trả trước cho người bán là bên thứ ba		
▪ Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	18.686.551.633	13.742.383.783
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	10.150.196.426	-
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	9.578.033.962	9.578.033.962
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Quảng cáo Dịch vụ Thương mại Trang Trí Việt	3.907.620.400	-
▪ Các nhà cung cấp khác	11.610.086.398	10.906.555.723
	102.448.550.894	66.450.775.601

12. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu về cho vay các công ty con		
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	51.689.814.936	32.689.814.936
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	24.999.388.608	16.999.388.608
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 1	3.023.251.050	3.023.251.050
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 2 (*)	75.987.039.404	75.987.039.404
Phải thu về cho vay các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
▪ Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	-	1.470.042.156
	175.699.493.998	150.169.536.154

(*) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May và không tính lãi từ năm 2017.

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khác không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi theo lãi suất năm từ 0% đến 8,8% (1/1/2019: từ 0% đến 10%).

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu về cho vay các công ty con			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	543.462.356.686	541.018.521.677
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (i) – công ty con cấp 2	2035	222.032.759.894	221.034.325.642
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	218.619.234.369	217.636.150.017
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2036	137.515.239.761	136.896.862.879
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (ii)	2023	40.000.000.000	48.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	83.065.362.852	82.691.835.524
▪ Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (i)	2035	77.655.568.772	77.306.368.141
▪ Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (iii)	2020	57.576.562.952	76.576.562.952
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	61.520.539.210	61.243.894.387
		1.441.447.624.496	1.462.404.521.219

(i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 25(b)(ii)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.

(ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, được điều chỉnh 3 tháng một lần và dao động từ 8% đến 9% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 8% đến 9% một năm).

(iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không tính lãi từ năm 2017.

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải thu	298.661.309.019	532.890.073.502
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (*)	136.932.000.000	136.932.000.000
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	89.992.156.986	91.613.815.804
Tiền lãi cho vay	26.031.715.454	52.113.256.129
Lãi tiền gửi	11.737.603.929	8.432.175.637
Phải thu khoản tài trợ vốn lưu động cho Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	10.600.000.000	-
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	5.218.333.324	5.218.333.324
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	5.000.000.000	-
Tạm ứng cho công nhân viên	1.923.671.980	735.668.480
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	24.409.370.247	15.450.433.107
	610.506.160.939	843.385.755.983

(*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	122.530.022.363	175.832.446.173
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – công ty con cấp 2	157.094.509.716	157.155.571.740
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2	4.282.699.847	3.896.737.242
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	736.701.139	37.335.876.921
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	44.484.758.193	32.322.296.136
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	-	10.769.080.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	279.913.028	16.277.317.059
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	19.126.444.162	19.317.094.542
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	89.992.156.986	91.613.815.804
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	16.320.000.000	16.320.000.000
▪ Các công ty con khác	14.729.894.573	20.044.450.000
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	46.920.720.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	98.550.000.000	98.550.000.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	1.600	16.602.062.400
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	-	12.600.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	-	8.850.670.500
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	-	12.272.877.600
▪ Các công ty liên kết khác	6.956.811.600	20.261.207.465
	575.083.913.207	796.942.223.582

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	126.579.470.662	132.411.085.662
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 – công ty con cấp 2 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.533.252.508	4.354.650.857
Khác	19.286.359	19.286.359
	301.628.659.608	307.281.672.957

(i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2018. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản nợ phải trả có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này. Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.

(ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2019				1/1/2019		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần May Nam An	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Dệt may Hưng Yên	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-
Teddy S.P.A	1 - 2 năm	11.340.010.048	(8.347.456.459)	2.992.553.589	1 - 2 năm	11.340.010.048	(8.347.456.459)	2.992.553.589
VND Clothing Company., Inc	1 - 2 năm	1.800.528.254	(380.382.698)	1.420.145.556	1 - 2 năm	5.833.214.083	(380.382.698)	5.452.831.385
		13.838.600.202	(9.425.901.057)	4.412.699.145		17.871.286.031	(9.425.901.057)	8.445.384.974
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(9.425.901.057)				(9.425.901.057)	

15. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	53.943.305.126	-	49.667.147.243	-
Nguyên vật liệu	140.327.648.697	(1.355.019.429)	126.734.724.864	(10.626.232.452)
Công cụ và dụng cụ	2.305.532.502	-	1.692.148.670	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.412.451.366	-	21.895.444.240	-
Thành phẩm	68.722.389.933	(1.914.706.025)	63.203.889.709	(5.091.100.632)
Hàng hóa	2.492.426.633	-	297.862.656	-
	278.203.754.257	(3.269.725.454)	263.491.217.382	(15.717.333.084)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 9.670 triệu thành phẩm (1/1/2019: 107.414 triệu VND nguyên vật liệu và 60.738 triệu thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	543.143.283.586	1.035.071.438.831	49.751.575.234	42.490.184.630	1.670.456.482.281
Tăng trong kỳ	-	4.780.166.051	831.179.811	175.400.000	5.786.745.862
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	63.980.484.202	59.468.331.509	1.510.153.066	737.318.182	125.696.286.959
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	169.000.090	(4.349.294.837)	-	3.525.322.446	(654.972.301)
Thanh lý	-	(371.638.341)	(776.636.909)	-	(1.148.275.250)
Số dư cuối kỳ	607.292.767.878	1.094.599.003.213	51.316.271.202	46.928.225.258	1.800.136.267.551
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	226.886.760.908	272.167.919.878	24.886.337.676	20.641.151.233	544.582.169.695
Khấu hao trong kỳ	14.339.350.052	38.063.071.692	2.436.114.077	1.827.097.292	56.665.633.113
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(130.141.131)	15.146.175	-	96.435.777	(18.559.179)
Thanh lý	-	(138.793.719)	(650.816.963)	-	(789.610.682)
Số dư cuối kỳ	241.095.969.829	310.107.344.026	26.671.634.790	22.564.684.302	600.439.632.947
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	316.256.522.678	762.903.518.953	24.865.237.558	21.849.033.397	1.125.874.312.586
Số dư cuối kỳ	366.196.798.049	784.491.659.187	24.644.636.412	24.363.540.956	1.199.696.634.604

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 130.738 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 114.156 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 915.416 triệu VND (1/1/2019: 942.175 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(b)).

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	78.833.849.210	2.250.842.000	81.084.691.210
Tăng trong kỳ	-	13.980.000	13.980.000
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	654.972.301	654.972.301
Số dư cuối kỳ	78.833.849.210	2.919.794.301	81.753.643.511
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	14.921.363.056	1.891.976.874	16.813.339.930
Khấu hao trong kỳ	819.365.388	104.159.715	923.525.103
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	18.559.179	18.559.179
Số dư cuối kỳ	15.740.728.444	2.014.695.768	17.755.424.212
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	63.912.486.154	358.865.126	64.271.351.280
Số dư cuối kỳ	63.093.120.766	905.098.533	63.998.219.299

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 1.625 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	**30/6/2018 VND**
Số dư đầu kỳ	148.981.263.100	125.972.077.969
Tăng trong kỳ	16.184.911.450	42.557.879.282
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(125.696.286.959)	(4.371.378.364)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	(1.030.819.000)
Số dư cuối kỳ	39.469.887.591	163.127.759.887

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019 VND	**1/1/2019 VND**
Nhà máy Sợi Nam Định	18.858.345.490	17.326.009.802
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	4.779.604.583	116.759.471.318
Các công trình khác	15.831.937.518	14.895.781.980
	39.469.887.591	148.981.263.100

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 22.106 triệu VND (1/1/2019: 134.085 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 25(b)).

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 219 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 433 triệu VND).

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*) VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	30.932.097.094	10.397.395.904	9.087.638.620	1.508.347.677	51.925.479.295
Tăng trong kỳ	-	3.865.545.789	-	1.465.953.170	5.331.498.959
Thanh lý	-	(2.184.531.251)	-	-	(2.184.531.251)
Phân bổ trong kỳ	(610.542.138)	(3.309.908.183)	(1.514.606.436)	(1.541.030.696)	(6.976.087.453)
Số dư cuối kỳ	30.321.554.956	8.768.502.259	7.573.032.184	1.433.270.151	48.096.359.550

(*) Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái được trình bày ở Thuyết minh 3(a).

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành Viên Dệt kim Đông Xuân	245.660.820	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	81.958.500	19.679.625
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	22.718.038	22.718.038
▪ Các công ty con khác	767.846.407	457.035.628
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	1.916.996.344	-
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	113.887.377	194.988.235
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	-	421.481.300
▪ Các công ty liên kết khác	651.295.848	863.842.124
Phải trả người bán khác		
▪ Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	6.966.818.583	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Byd Việt Nam	5.794.050	1.271.708.370
▪ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang	-	10.120.872.338
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	-	1.535.428.720
▪ Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	-	7.141.808.900
▪ Các nhà cung cấp khác	11.590.398.837	27.546.384.943
	22.363.374.804	49.595.948.221

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có khoản phải trả nào quá hạn.

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Người mua là các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	-	6.930.000
Người mua là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	2.127.674.686	2.127.674.686
Người mua là bên khác		
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	22.646.262.293	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính	6.116.528.000	-
▪ Các khách hàng khác	6.351.174.460	276.390.464
	37.241.639.439	2.410.995.150

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/ đã thu được trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	-	-	220.220.199
Văn phòng	*220.220.199*	-	-	*220.220.199*
Thuế xuất, nhập khẩu	55.458.395	8.983.831	(11.679.067)	52.763.159
Văn phòng	*52.763.159*	-	-	*52.763.159*
Nhà máy Sợi Phú Cường	*2.695.236*	*8.983.831*	*(11.679.067)*	-
Thuế môn bài	2.000.000	-	(1.000.000)	1.000.000
Trung tâm Thời trang Vinatex	*2.000.000*	-	*(1.000.000)*	*1.000.000*
	277.678.594	8.983.831	(12.679.067)	273.983.358

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	30/6/2019 VND
Thuế						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	795.271.477	13.567.208.723	-	(1.747.659.611)	(11.832.088.107)	782.732.482
Văn phòng	-	*6.046.929.991*	-	-	*(6.046.929.991)*	-
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	-	*448.866.723*	-	*(154.851.347)*	*(278.560.830)*	*15.454.546*
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	*3.523.292.372*	-	-	*(3.523.292.372)*	-
Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	-	*24.846.757*	-	-	*(24.846.757)*	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	*534.129.410*	-	-	*(534.129.410)*	-
Trung tâm Thời trang Vinatex	*795.271.477*	*1.833.185.179*	-	*(1.592.808.264)*	*(268.370.456)*	*767.277.936*
Nhà máy May Quế Sơn	-	*1.155.958.291*	-	-	*(1.155.958.291)*	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	370.027.536	(370.027.536)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	*275.312.214*	*(275.312.214)*	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	*94.715.322*	*(94.715.322)*	-	-

	1/1/2019 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	30/6/2019 VND
Các loại thuế khác	294.320.366	-	5.175.511.741	(5.310.087.527)	-	159.744.580
+ Thuế nhà thầu	-	-	19.042.649	(19.042.649)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	*19.042.649*	*(19.042.649)*	-	-
+ Thuế môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	*3.000.000*	*(3.000.000)*	-	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	-	*1.000.000*	*(1.000.000)*	-	-
Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	-	-	*1.000.000*	*(1.000.000)*	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	*1.000.000*	*(1.000.000)*	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	*1.000.000*	*(1.000.000)*	-	-
Nhà máy May Quế Sơn	-	-	*1.000.000*	*(1.000.000)*	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	294.320.366	-	5.148.469.092	(5.283.044.878)	-	159.744.580
Văn phòng	*269.525.871*	-	*5.003.883.620*	*(5.168.643.577)*	-	*104.765.914*
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	*19.262.421*	*(15.964.350)*	-	*3.298.071*
Nhà máy Sợi Nam Định	*6.192.207*	-	*52.421.282*	*(31.459.469)*	-	*27.154.020*
Nhà máy Sợi Phú Cường	*14.580.507*	-	*41.846.312*	*(35.636.819)*	-	*20.790.000*
Trung tâm Thời trang Vinatex	*4.021.781*	-	*22.042.398*	*(22.327.604)*	-	*3.736.575*
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	-	*6.673.962*	*(6.673.962)*	-	-
Nhà máy May Quế Sơn	-	-	*2.339.097*	*(2.339.097)*	-	-
Các khoản phải nộp khác						
Tiền thuê đất	-	-	2.839.962.812	(2.839.962.812)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	1.471.142.321	(1.471.142.321)	-	-
Văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	*1.368.820.491*	*(1.368.820.491)*	-	-
	1.089.591.843	13.567.208.723	8.385.502.089	(10.267.737.486)	(11.832.088.107)	942.477.062

23. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	8.651.045.515	13.771.460.061
Chi phí phải trả khác	1.862.947.196	1.055.517.376
	10.513.992.711	14.826.977.437
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	948.672.000
	10.513.992.711	15.775.649.437

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	24.665.472.000	25.614.144.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(948.672.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	24.665.472.000	24.665.472.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055), được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	360.509.747.843	360.509.747.843
Cổ tức phải trả	313.453.625	50.236.956.125
Phải trả về cổ phần hóa	5.449.245.603	5.449.245.603
Lãi vay phải trả	4.375.706.874	6.715.072.795
Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi phân bổ cho công ty con	4.089.862.090	3.450.195.423
Quỹ từ thiện	3.395.248.287	3.395.248.287
Phải trả các công ty liên quan	10.863.016.382	10.863.016.382
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	788.995.374	1.164.567.757
Các khoản phải trả khác	10.872.342.557	6.995.361.619
	408.219.709.647	456.341.502.846

(i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	7.562.091.012	7.562.091.012

(ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 9(b)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	30/6/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	164.750.360.334	316.802.420.689	(254.698.204.671)	640.924.890	227.495.501.242
Vay dài hạn đến hạn trả	76.837.097.364	56.772.973.112	(38.301.832.132)	265.545.996	95.573.784.340
	241.587.457.698	373.575.393.801	(293.000.036.803)	906.470.886	323.069.285.582

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	USD	3,5	68.374.909.761	17.639.103.303
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,5	132.120.591.481	55.194.281.566
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (*)	VND	6,9	27.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	USD	3,1 - 3,3	-	47.800.237.200
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	USD	2,85	-	44.116.738.265
			227.495.501.242	164.750.360.334

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tương đương tiền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với giá trị là 37.500 triệu VND (Thuyết minh 8). Các khoản vay ngắn hạn khác còn số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8	2025	90.108.381.789	93.306.158.498
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	9,4	2025	56.216.960.190	56.756.405.940
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2020-2039	1.634.175.500.380	1.626.826.959.586
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	8,6 - 9	2027	1.140.809.818	3.125.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	2,8 - 5,12	2027	134.589.400.000	146.164.560.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	5,135	2028	158.837.386.828	166.027.637.512
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	VND	9,4	2028	19.943.187.085	19.943.187.085
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	VND	9	2025	4.745.371.071	4.745.371.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	USD	4,3 - 4,97	2025	34.460.086.679	34.367.686.010
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	VND	8,8	2024	45.717.260.639	50.353.262.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	USD	4,7	2024	73.160.336.750	80.114.473.625
				2.253.094.681.229	2.281.730.702.169
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))				(95.573.784.340)	(76.837.097.364)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				2.157.520.896.889	2.204.893.604.805

(i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 249.543 triệu VND (1/1/2019: 245.985 triệu VND).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 153.320 triệu VND (1/1/2019: 162.741 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
- các khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2019: 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 8);

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (–) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

(iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Văn phòng Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 183.431 triệu VND (1/1/2019: tài sản cố định với giá trị còn lại là 191.476 triệu VND).

(iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 346.448 triệu VND (1/1/2019: 359.299 triệu VND).

(v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 4.780 triệu VND (1/1/2019: 116.759 triệu VND).

(vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	**30/6/2018**
	VND	**VND**
Số dư đầu kỳ	23.815.374.842	29.088.832.680
Trích lập trong kỳ	10.000.000.000	5.490.153.657
Sử dụng trong kỳ	(5.243.522.222)	(7.891.559.597)
Phân phối cho các công ty con	(639.666.667)	-
Số dư cuối kỳ	27.932.185.953	26.687.426.740

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	5.000.000.000.000	29.911.650.892	262.785.062.140	543.092.845.095	5.835.789.558.127
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	12.669.103.582	-	12.669.103.582
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.490.153.657)	-	(5.490.153.657)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	5.000.000.000.000	29.911.650.892	19.964.012.065	543.092.845.095	5.592.968.508.052
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	5.000.000.000.000	29.911.650.892	352.672.256.613	543.092.845.095	5.925.676.752.600
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	13.334.616.161	-	13.334.616.161
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.000.000.000)	-	(10.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	5.000.000.000.000	29.911.650.892	56.006.872.774	543.092.845.095	5.629.011.368.761

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	30/6/2019			1/1/2019		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	87.561.900	875.619.000.000	17,51%	87.561.900	875.619.000.000	17,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2018 là 300.000 triệu VND (tỷ lệ 6% trên mệnh giá) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 250.000 triệu VND).

30. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	30/6/2019 và 1/1/2019 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

31. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	**30/6/2018 VND**
Số dư đầu kỳ	30.381.025.002	32.422.652.022
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(1.020.813.510)	(1.020.813.510)
Số dư cuối kỳ	29.360.211.492	31.401.838.512

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	**Tương đương VND**	**Nguyên tệ**	**Tương đương VND**
USD	523.300	12.269.616.862	957.136	22.183.108.877
EUR	163	4.290.986	168	4.624.524
		12.273.907.848		22.187.733.401

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2019 VND	**1/1/2019 VND**
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	310.152.292.584	310.152.292.584
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	87.916.786.527	96.763.502.726
	398.069.079.111	406.915.795.310

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Bán hàng	327.411.672.807	491.942.572.498
Dịch vụ gia công	3.634.132.948	216.269.900
Doanh thu cho thuê	34.651.138.514	28.852.010.242
Cung cấp dịch vụ	22.475.633.356	8.898.776.371
	388.172.577.625	529.909.629.011

34. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Hàng hoá đã bán	334.813.590.776	453.105.990.484
Dịch vụ gia công	3.574.746.809	242.350.403
Giá vốn cho thuê	26.062.611.329	23.120.533.153
Dịch vụ đã cung cấp	399.364.286	-
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(12.447.607.630)	-
	352.402.705.570	476.468.874.040

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND Đã điều chỉnh lại	
Lãi tiền gửi và cho vay	68.728.898.405	55.488.310.186	
Cổ tức	47.954.038.083	30.253.374.318	
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	-	12.053.186.500	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	977.215.537	415.888.985	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	261.855.556	2.683.721.487	
	117.922.007.581	100.894.481.476	

36. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	46.142.923.125	35.055.050.993
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.646.038.546	25.502.953.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.033.567.453	216.927.794
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.744.907.519	10.182.830.268
Các chi phí tài chính khác	-	1.550.980.734
	70.567.436.643	72.508.743.141

37. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên	4.038.216.530	633.578.398
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.299.404.848	499.100.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.503.419.589	3.180.990.174
Các chi phí bán hàng khác	5.725.427.535	8.377.227.258
	18.566.468.502	12.690.896.148

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên	16.209.215.498	15.908.622.213
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.557.052.163	5.849.656.658
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	1.839.879.711	2.561.749.231
Chi phí thuê đất và nhà cửa	8.147.568.327	10.728.297.096
Công tác phí	2.512.227.610	3.751.963.274
Chi phí thuế, phí và lệ phí	289.960.715	579.488.667
Chi phí điện, nước, điện thoại	652.908.452	829.480.666
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.720.775.483	16.329.867.969
	50.929.587.959	56.539.125.774

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	243.795.701.458	357.667.617.250
Chi phí nhân viên	49.359.593.772	36.515.062.045
Chi phí khấu hao và phân bổ	57.178.886.844	50.199.028.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.864.599.351	67.913.041.876
Chi phí khác	34.967.718.099	38.067.126.447

40. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.334.616.161	12.669.103.582
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	2.666.923.232	2.533.820.716
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	1.924.076.889	780.362.971
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	4.999.807.496	2.736.491.177
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(9.590.807.617)	(6.050.674.864)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

41. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Chi tiết doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND	Thu nhập khác 30/6/2019 VND	
1	**Văn phòng Công ty mẹ**	165.731.458.952	48.933.404.961	116.672.234.045	125.819.946	26.792.593.291
2	**Các đơn vị phụ thuộc**					
	Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt May Phố Nối	41.387	-	41.387	-	(263.168.605)
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	4.751.248.851	4.334.121.785	262.581.612	154.545.454	1.033.062.338
	Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	21.942.930	-	10.128	21.932.802	(197.796)
	Nhà máy Sợi Phú Hưng	148.878	-	148.878	-	(1.352.722)
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	176.522.714.574	176.277.026.807	245.687.767	-	(10.512.374.055)
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	129.436.086.429	128.701.324.322	734.762.107	-	(6.984.009.546)
	Trung tâm Thời trang Vinatex	18.373.103.383	18.367.116.855	5.986.528	-	6.513.881.090
	Nhà máy May Quế Sơn	11.560.138.024	11.559.582.895	555.129	-	(3.243.817.834)
3	**Tổng cộng**	506.396.883.408	388.172.577.625	117.922.007.581	302.298.202	13.334.616.161

42. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty con cấp 1 và cấp 2		
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	6.930.000
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.678.654.815	2.102.447.424
Thu nhập lãi vay	407.318.878	504.952.175
Hoàn trả gốc vay	-	6.600.000.000
Hoàn trả lãi phí vay	1.712.506.387	1.202.192.884
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Doanh thu cho thuê	6.380.545.530	-
Doanh thu bán hàng hóa	7.925.449.947	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản và công cụ dụng cụ	2.319.296.638	-
Doanh thu gia công	4.516.280.270	12.586.183.480
Cung cấp dịch vụ	673.766.415	-
Mua hàng hóa	27.665.909	832.117.000
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.725.650.034	5.920.083.258
Hoàn trả lãi phí vay	4.820.093.714	3.382.984.463
Cổ tức	-	14.615.621.769
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Bán hàng hóa	1.085.918.400	2.180.001.600
Doanh thu cho thuê	1.385.034.534	1.377.207.947
Mua hàng hóa	-	223.064.274
Cung cấp dịch vụ	398.147.827	-
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	11.763.872.690	14.725.216.183
Hoàn trả lãi phí vay	12.220.151.324	8.441.275.377
Cổ tức đã công bố	37.408.796.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Mua hàng hóa	-	1.224.095.325
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	4.834.423.666	6.007.255.188
Hoàn trả lãi phí vay	4.896.397.536	3.430.542.112

Mẫu B 09a– DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.797.227.204	2.242.256.268
Hoàn trả lãi phí vay	1.831.806.533	2.187.258.422
Cung cấp dịch vụ	30.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Thu nhập tiền lãi	2.836.466.471	2.836.466.472
Doanh thu khác	20.000.000	33.860.000
Bán hàng hóa	-	4.631.315.174
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.992.246.231	3.732.901.012
Hoàn trả lãi phí vay	3.030.629.697	1.995.377.532
Mua hàng hóa, dịch vụ	316.127.500	3.619.815.271
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	-	1.346.135.000
Cung cấp dịch vụ	20.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Cổ tức	229.630.097	-
Điều chỉnh giảm cổ tức ghi nhận từ năm trước	-	468.040.376
Doanh thu cho thuê tài sản	789.473.684	-
Cung cấp dịch vụ	196.644.546	-
Lãi phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.339.804.882	1.661.497.783
Hoàn trả lãi phí vay	-	1.827.639.751
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Mua dịch vụ	-	99.831.250
Bán hàng hóa	-	18.475.969.392
Doanh thu cho thuê	7.500.000.000	5.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	20.000.000	-
Cổ tức	-	1.556.316.566
Điều chỉnh giảm cổ tức ghi nhận từ năm trước	190.650.380	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Doanh thu cho thuê	2.146.886.000	1.732.134.000
Cung cấp dịch vụ	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi	892.602.740	872.767.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Doanh thu cho thuê	393.305.400	-

Mẫu B 09a– DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Điều chỉnh tài sản để góp vốn	-	1.030.819.000
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Bán hàng hóa	-	83.704.424.793
Doanh thu cho thuê	14.164.168.334	12.161.313.403
Mua hàng hóa	-	2.052.660.733
Góp vốn	20.800.000.000	13.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	12.600.000	-
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
Điều chỉnh giảm cổ tức ghi nhận từ năm trước	550.000.000	-
Công ty liên kết		
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Cung cấp dịch vụ	315.509.419	-
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Cung cấp dịch vụ	542.667.152	-
Mua hàng hoá	4.296.181.548	6.864.383.721
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức đã công bố	5.215.044.000	6.953.392.000
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Cung cấp dịch vụ	285.873.505	-
Mua hàng hóa	27.272.727	-
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Bán hàng hóa	38.000.000	166.320.000
Cổ tức	-	2.520.000.000
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Mua hàng hoá	1.141.195.359	580.730.588
Cung cấp dịch vụ	69.650.964	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cung cấp dịch vụ	1.901.603.980	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	323.233.263	1.017.307.299

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP		
Cổ tức đã công bố	2.371.723.200	-
Cung cấp dịch vụ	150.113.876	-
Công ty Cổ phần Vinatex OJ		
Cổ tức	1.622.880.000	-
Công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt		
Cổ tức	484.609.532	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam		
Cổ tức	1.362.005.634	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		
Thù lao đã trả	3.118.987.914	2.896.844.547

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tiền lãi cho vay từ khoản cho các công ty con vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á nhập gốc cho vay	-	12.910.125.343
Lãi vay nhập gốc vay	-	2.375.511.831
Tăng đầu tư vào công ty con thông qua điều chuyển tài sản (Thuyết minh 18)	-	1.030.819.000
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác của Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	-	4.526.480.000

44. Số liệu so sánh

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ký Hiệp định vay phụ ("Hiệp định phụ") với Bộ Tài chính ngày 2 tháng 12 năm 2015 để vay lại khoản vốn vay ADB có nguồn gốc từ Hiệp định vay ("Hiệp định chính") giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") theo Dự án 2 – Chương trình cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty. Sau đó, Tập đoàn Dệt May Việt Nam ký các hợp đồng cho vay lại vốn vay ADB cho các công ty con với lãi suất và phí giống với lãi suất và phí theo quy định của ADB tại Hiệp định chính. Ngoài phí cho vay lại trả cho Bộ Tài chính là 0,25%/năm trên số dư nợ gốc của khoản vay theo Hiệp định phụ, các công ty con phải trả cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam một khoản phí là 0,5%/năm trên dư nợ gốc.

Trong các năm trước năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận khoản lãi vay trả cho Bộ Tài chính theo Hiệp định phụ và lãi vay thu được từ các công ty con theo các hợp đồng cho vay lại như là các khoản thu hộ trả hộ trên bảng cân đối kế toán riêng. Tập đoàn Dệt May Việt Nam không ghi nhận doanh thu tài chính và chi phí tài chính cho các khoản lãi vay này. Riêng đối với khoản phí 0,5% thu từ các công ty con, Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận là doanh thu tài chính trong kỳ.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có Công văn số 339/TĐMVN-TCKT hỏi về chính sách thuế giá trị gia tăng đối với lãi và phí của khoản vay ADB. Theo Công văn số 46322/CT-TTHT do Cục thuế Hà Nội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2019 trả lời Công văn số 339/TĐMVN-TCKT, Cục thuế Hà Nội có ý kiến rằng khoản thu mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam thu được từ các công ty con theo các hợp đồng cho vay lại là doanh thu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ các hợp đồng cho vay lại và khoản lãi vay phải trả cho Bộ Tài chính theo Hiệp định phụ là chi phí tài chính.

Cơ quan Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định điều chỉnh hồi tố thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 liên quan đến vấn đề này.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND (điều chỉnh lại)	**30/6/2018 VND (theo báo cáo trước đây)**
Doanh thu tài chính	100.894.481.476	82.842.913.762
Chi phí tài chính	72.508.743.141	54.457.175.427
Trong đó: Chi phí lãi vay	*35.055.050.993*	*20.769.282.680*

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND (điều chỉnh lại)	**30/6/2018 VND** (theo báo cáo trước đây)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	29.933.322.233	47.984.889.947
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	227.701.184.416	209.649.616.702

Ngoại trừ các điều chỉnh nói trên, số liệu so sánh được mang sang từ i) các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan và ii) số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019

Người lập:		Người duyệt:
Trần Thị Thu Hằng	Nguyễn Ngọc Cách	Lê Tiến Trường
Phó Ban Tài chính Kế toán	*Trưởng Ban Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*